

Số: **770** /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **12** tháng **7** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo tài chính; quyết toán số tiền thu từ
cổ phần hóa; quyết toán chi phí cổ phần hóa; công bố giá trị thực tế
phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa
chính thức chuyển thành công ty cổ phần**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 1920/TTg-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Kon Tum; số 154/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum để cổ phần hóa và số 272/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum tại Tờ trình số 01/TTr-Cty ngày 19 tháng 5 năm 2016; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1562/STC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Tờ trình số 1560/STC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2016 và ý kiến của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum tại Tờ trình số 1561/STC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo tài chính; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần

cụ thể như sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Quyết toán chi phí cổ phần hóa:

a) Số báo cáo của đơn vị: 200.000.000 đồng (bao gồm thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: 74.000.000 đồng, tiền thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và tổ giúp việc: 126.000.000 đồng);

b) Số quyết toán: : 200.000.000 đồng;

c) Chênh lệch (a-b): 0 đồng.

3. Quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa:

a) Tổng số tiền thu được từ bán cổ phần: 3.501.294.000 đồng

b) Số quyết toán: 3.501.294.000 đồng (gồm chi phí thực hiện cổ phần hóa: 200.000.000 đồng và nộp số tiền thu từ cổ phần hóa công ty về Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Trung ương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn 3117/UBND-KTTH ngày 31 tháng 12 năm 2015 số tiền: 3.301.294.000 đồng).

c) Chênh lệch (a-b): 0 đồng

4. Giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần:

a) Giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum để cổ phần hóa (theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) là: 12.103.300.000 đồng.

b) Giá trị phần vốn nhà nước tăng thêm từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh là: 0 đồng.

c) Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ 00 ngày 01/01/2016 của Công ty là: 12.103.300.000 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum hoàn chỉnh sổ sách kế toán, lập hồ sơ bàn giao và tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và Công ty cổ phần theo quy định hiện hành.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum có trách nhiệm lập thủ tục bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động, đất đai... cho Công ty cổ phần và công bố đầy đủ thông tin về việc cổ phần hóa công ty theo đúng quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và nội dung trình.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV

Môi trường đô thị Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTDN TW;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP VPUBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT4. *thah*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

Phụ lục
Báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần (31/12/2015)
của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum
(kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 2 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2015:

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Giá trị
A. Tài sản ngắn hạn	100	10.650.920.645
B. Tài sản dài hạn	200	7.373.058.300
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270	18.023.978.945
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	300	5.920.678.945
B. Vốn chủ sở hữu	400	12.103.300.000
- Vốn chủ sở hữu	410	12.103.300.000
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12.103.300.000
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	18.023.978.945

2. Kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Giá trị
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	81.889.002.137
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21	308.697.478
3. Thu nhập khác	31	159.107.273
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.923.438.554
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	3.808.312.884